THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 187/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Về biên chế công chức năm 2011 của các cơ quan hành chính nhà nước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

www.LuatVietnam.vn

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định 276.008 biên chế công chức năm 2011 của các cơ quan, tổ chức hành chính (không bao gồm biên chế công chức của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan Đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, đơn vị sự nghiệp công lập và công chức cấp xã), trong đó:

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập: 110.256 biên chế.

2. Cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 158.752 biên chế.

3. Biên chế công chức dự phòng: 7.000, trong đó:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập: 3.500 biên chế;

b) Cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 3.500 biên chế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập và Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

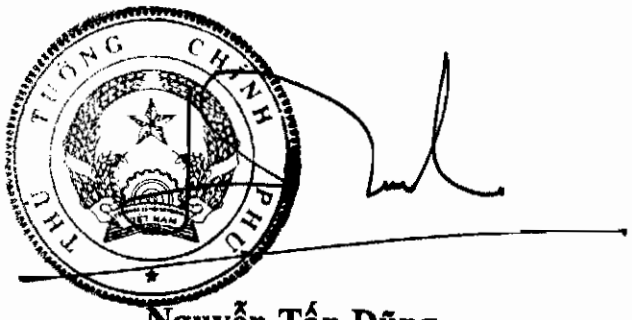

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). XH 179

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục I

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2011 CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, TỔ CHỨC DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP MÀ KHÔNG PHẢI LÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 187 /QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đơn vị	Biên chế
1	Bộ Ngoại giao	1.283
2	Bộ Nội vụ	1.002
3	Bộ Tư pháp	9.729
4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6.315
5	Bộ Tài chính	74.207
6	Bộ Công Thương	1.237
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.713
8	Bộ Giao thông vận tải	1.665
9	Bộ Xây dựng	385
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.179
11	Bộ Thông tin và Truyền thông	520
12	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	735
13	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	882
14	Bộ Khoa học và Công nghệ	665
15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	609
16	Bộ Y tế	800
17	Ủy ban Dân tộc	240
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5.758
19	Thanh tra Chính phủ	414
20	Văn phòng Chính phủ	749
21	Văn phòng BCĐ TW về PCTN	85
22	Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia	84
I	**Cộng**	**110.256**
II	**Dự phòng**	**3.500**
	Tổng cộng (I + II)	**113.756**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục II

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2011 CỦA CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 187 /QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đơn vị	Biên chế
1	Thành phố Hà Nội	9.213
2	Thành phố Hồ Chí Minh	8.360
3	Thành phố Hải Phòng	3.341
4	Thành phố Đà Nẵng	1.994
5	Thành phố Cần Thơ	2.073
6	Hải Dương	2.086
7	Hưng Yên	1.662
8	Thái Bình	2.073
9	Nam Định	2.287
10	Hà Nam	1.384
11	Ninh Bình	1.743
12	Vĩnh Phúc	1.781
13	Bắc Ninh	1.668
14	Hà Giang	2.410
15	Cao Bằng	2.322
16	Lạng Sơn	2.352
17	Lào Cai	2.549
18	Điện Biên	2.169
19	Lai Châu	2.016
20	Yên Bái	2.397
21	Bắc Kạn	1.660
22	Tuyên Quang	1.900
23	Phú Thọ	2.387
24	Sơn La	2.491
25	Hoà Bình	2.295
26	Thái Nguyên	2.221
27	Quảng Ninh	2.879
28	Bắc Giang	2.285
29	Thanh Hoá	4.184
30	Nghệ An	3.773

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

31	Hà Tĩnh	2.571
32	Quảng Bình	1.951
33	Quảng Trị	1.992
34	Thừa Thiên Huế	2.219
35	Phú Yên	2.107
36	Quảng Nam	3.466
37	Quảng Ngãi	2.424
38	Bình Định	2.492
39	Khánh Hoà	2.149
40	Ninh Thuận	1.827
41	Bình Thuận	2.269
42	Gia Lai	3.074
43	Kon Tum	2.087
44	Đắk Nông	2.136
45	Lâm Đồng	2.744
46	Đắk Lắk	3.297
47	Bình Dương	1.955
48	Bình Phước	2.029
49	Tây Ninh	2.012
50	Đồng Nai	3.360
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.292
52	Long An	2.536
53	Đồng Tháp	2.600
54	An Giang	2.840
55	Tiền Giang	2.192
56	Bến Tre	1.981
57	Vĩnh Long	1.863
58	Trà Vinh	1.813
59	Hậu Giang	1.607
60	Sóc Trăng	2.094
61	Kiên Giang	2.768
62	Cà Mau	2.251
63	Bạc Liêu	1.799
I	**Cộng**	**158.752**
II	**Dự phòng**	**3.500**
	Tổng cộng (I + II)	**162.252**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn